

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thép tấm lá Thống Nhất hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 16 tháng 02 năm 2011 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP)	62.494.810.000	31,24
Các cổ đông khác	137.505.190.000	68,76
Cộng	200.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.923.636

Fax : (84-64) 3.923.889

Email : www.tnsteel.vn

Mã số thuế : 3500820408

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư là sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán; xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2014 tiếp tục thông qua chủ trương sáp nhập vào Tổng Công ty thép Việt Nam theo hình thức hoán đổi cổ phiếu.

Doanh thu thuần và giá vốn năm 2014 của Công ty tăng lần lượt là 416.203.305.208 VND # 285% và 454.777.799.706 VND # 565% so với năm trước là do Công ty sản xuất các sản phẩm thép tấm cán nguội bên cạnh hoạt động gia công cho bên ngoài. Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận giảm đáng kể so với năm trước là do sự cạnh tranh của thị trường nên giá bán giảm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Trong năm, Công ty trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2014 như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển	384.919.872 VND
- Quỹ dự phòng tài chính	384.919.872 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.154.759.614 VND
Cộng	1.924.599.358 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quang	Chủ tịch	01 tháng 11 năm 2013	05 tháng 9 năm 2014
Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch	05 tháng 9 năm 2014	-
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	25 tháng 9 năm 2007	-
Ông Hồ Quang Thiệp	Thành viên	30 tháng 3 năm 2010	-
Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên	28 tháng 5 năm 2009	-
Ông Tạ Ngọc Long	Thành viên	01 tháng 11 năm 2013	-
Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên	15 tháng 02 năm 2011	-
Bà Võ Thị Lệ Châu	Thành viên	01 tháng 11 năm 2013	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Huy	Trưởng ban	12 tháng 3 năm 2012	-
Ông Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Thành viên	25 tháng 9 năm 2007	-
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Thành viên	25 tháng 9 năm 2007	02 tháng 4 năm 2014
Ông Tô Hùng Vĩ	Thành viên	02 tháng 4 năm 2014	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đại	Tổng Giám đốc	15 tháng 02 năm 2011	-
Ông Võ Ngọc Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 02 năm 2011	-
Ông Nguyễn Huy Thọ	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 09 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

0449
ÔNG
NHIỆM
OÁN VÀ
&
/T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Văn Hùng
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 02 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0049/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thép tấm lá Thống Nhất, được lập ngày 16 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thép tấm lá Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc thuyết minh VIII.4 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty bị lỗ 20.942.179.125 VND và số lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 235.087.704.637 VND, vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu 35.087.704.637 VND. Ngoài ra tại thời điểm này, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn một khoản là 254.654.680.786 VND. Những điều kiện này, cùng với việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 thông qua Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2014 tiếp tục chủ trương sáp nhập vào Tổng Công ty thép Việt Nam theo phương thức hoán đổi cổ phiếu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, các khoản nợ vay ngân hàng được Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của các Công ty trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.249.529.243	44.184.586.103
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.839.936.184	4.346.337.232
1. Tiền	111		1.839.936.184	4.346.337.232
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.615.293.526	5.741.123.456
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	5.082.738.463	5.696.110.628
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	7.394.536.361	45.012.828
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	138.018.702	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		45.550.680.844	33.021.792.708
1. Hàng tồn kho	141	V.5	45.564.026.562	33.021.792.708
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(13.345.718)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.243.618.689	1.075.332.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	441.000.000	974.956.674
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		189.840.003	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15	67.392.289	30.606.033
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.545.386.397	69.770.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		447.314.918.628	483.230.821.294
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		436.564.653.754	464.783.167.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	436.564.653.754	464.783.167.253
<i>Nguyên giá</i>	222		540.387.065.697	540.155.520.242
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(103.822.411.943)	(75.372.352.989)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.750.264.874	18.447.654.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10.750.264.874	18.447.654.041
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		509.564.447.871	527.415.407.397

15-C
 TỶ
 ĐU HA
 TƯ V
 CH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		543.882.312.764	539.636.333.551
I. Nợ ngắn hạn	310		316.904.210.029	250.286.530.816
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	161.620.884.619	117.316.945.530
2. Phải trả người bán	312	V.13	99.061.999.030	85.931.636.763
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	6.228.056.164	45.858.845
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	-	876.383.044
5. Phải trả người lao động	315	V.16	891.833.992	1.221.650.727
6. Chi phí phải trả	316	V.17	48.019.961.899	44.445.047.562
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	219.564.711	449.008.345
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	861.909.614	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		226.978.102.735	289.349.802.735
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	226.978.102.735	289.349.802.735
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(34.317.864.893)	(12.220.926.154)*
I. Vốn chủ sở hữu	410		(34.317.864.893)	(12.220.926.154)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	384.919.872	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	384.919.872	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	(235.087.704.637)	(212.220.926.154)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		509.564.447.871	527.415.407.397

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		20.047.496.586	28.354.725.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		264,94	300,97
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 01 năm 2015

Trần Thị Thùy Trang
Người lập biểu

Lê Sơn Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	570.604.006.516	146.169.571.327
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.373.427.993	142.298.012
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	562.230.578.523	146.027.273.315
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	535.229.906.122	80.452.106.416
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.000.672.401	65.575.166.899
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.611.342.868	225.001.870
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.170.678.503	50.391.281.677
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.954.720.074	42.230.634.264
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	8.394.290.757	7.392.745.686
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(21.952.953.991)	8.016.141.406
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.270.180.662	209.088.101
12. Chi phí khác	32	VI.7	259.405.796	526.832.076
13. Lợi nhuận khác	40		1.010.774.866	(317.743.975)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(20.942.179.125)	7.698.397.431
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(20.942.179.125)	7.698.397.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.047)	385


Trần Thị Thùy Trang
Người lập biểu


Lê Sơn Nam
Kế toán trưởng



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 01 năm 2015


Nguyễn Văn Đại
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(20.942.179.125)	7.698.397.431
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	28.450.058.954	27.844.735.557
- Các khoản dự phòng	03	V.6	13.345.718	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	2.955.150.000	3.590.741.088
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(77.975.340)	(187.911.330)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	32.954.720.074	42.230.634.264
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.353.120.281	81.176.597.010
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.627.527.714)	4.207.474.303
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.542.233.854)	(5.712.359.278)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18.694.019.192	(51.258.160.078)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.231.345.841	12.835.656.545
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.17,VI.4,VII	(27.746.723.152)	(30.755.070.977)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	77.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.706.770.617)	(77.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.655.229.978	10.494.137.525
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(231.545.455)	(4.159.855.408)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	77.975.340	187.911.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(153.570.115)	(3.971.944.078)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12,V.20	56.777.399.639	35.040.047.552
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12,V.20	(77.785.460.550)	(41.650.800.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.008.060.911)	(6.610.752.448)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.506.401.048)	(88.559.001)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.346.337.232	4.463.825.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(28.929.602)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.839.936.184	4.346.337.232

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 16 tháng 01 năm 2015

Trần Thị Thùy Trang
Người lập biểu

Lê Sơn Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công, mua bán thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 80 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 85 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 thông qua Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2014 tiếp tục chủ trương sáp nhập vào Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP theo hình thức hoán đổi cổ phiếu.

Doanh thu thuần và giá vốn năm 2014 của Công ty tăng lần lượt là 416.203.305.208 VND # 285% và 454.777.799.706 VND # 565% so với năm trước là do Công ty sản xuất các sản phẩm thép tấm cán nguội bên cạnh hoạt động gia công cho bên ngoài. Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do sự cạnh tranh của thị trường nên giá bán giảm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 18,5
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy

Là các thiết bị bán dẫn, phụ tùng thay thế cho máy cán có thời gian sử dụng trên 01 năm và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các trục cán thép được phân bổ vào chi phí trong năm theo mức tiêu hao thực tế trong quá trình hoạt động.

Chi phí đào tạo nhân viên

Chi phí đào tạo nhân viên trong giai đoạn xây dựng cơ bản này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 05 năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản

Chênh lệch phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 05 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

11. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty chỉ có nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	17.864.526	72.132.915
Tiền gửi ngân hàng	1.822.071.658	4.274.204.317
Cộng	<u>1.839.936.184</u>	<u>4.346.337.232</u>

2. Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng trong nước.

3. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước cho các nhà cung cấp trong nước.

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phế liệu phải thu hồi	134.108.920	-
Các khoản phải thu khác	3.909.782	-
Cộng	<u>138.018.702</u>	<u>-</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	44.566.469.742	31.334.065.998
Công cụ, dụng cụ	43.694.408	49.459.473
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	432.097.071	1.462.693.769
Thành phẩm	521.765.341	-
Hàng hóa	-	175.573.468
Cộng	<u>45.564.026.562</u>	<u>33.021.792.708</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm và hàng gia công.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	-	704.887.432
Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản	-	270.069.242
Chi phí sửa chữa tài sản	441.000.000	-
Cộng	<u>441.000.000</u>	<u>974.956.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	131.465.780	69.770.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.413.920.617	-
Cộng	1.545.386.397	69.770.000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	74.830.811.937	444.219.096.905	19.925.625.063	1.179.986.337	540.155.520.242
Mua sắm mới	-	231.545.455	-	-	231.545.455
Số cuối năm	74.830.811.937	444.450.642.360	19.925.625.063	1.179.986.337	540.387.065.697
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.848.729.124	60.508.956.879	7.379.591.006	635.075.980	75.372.352.989
Khấu hao trong năm	2.099.046.304	24.114.273.334	2.060.638.368	176.100.948	28.450.058.954
Số cuối năm	8.947.775.428	84.623.230.213	9.440.229.374	811.176.928	103.822.411.943
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	67.982.082.813	383.710.140.026	12.546.034.057	544.910.357	464.783.167.253
Số cuối năm	65.883.036.509	359.827.412.147	10.485.395.689	368.809.409	436.564.653.754
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 391.077.027.193 VND và 318.754.535.455 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) (xem thuyết minh số V.20).

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	10.461.254.191	4.504.840.688	(6.564.771.143)	8.401.323.736
Chi phí đào tạo nhân viên	1.525.249.524	-	(1.076.646.720)	448.602.804
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn XDCB	6.461.150.326	-	(4.560.811.992)	1.900.338.334
Cộng	18.447.654.041	4.504.840.688	(12.202.229.854)	10.750.264.874

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	96.308.884.619	65.150.945.530
- Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) ⁽ⁱ⁾	19.985.859.143	-
- Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP ⁽ⁱⁱ⁾	76.323.025.476	65.150.945.530
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	65.312.000.000	52.166.000.000
Cộng	161.620.884.619	117.316.945.530

(i) Khoản vay Công ty tài chính cổ phần xi măng để bổ sung vốn lưu động.

(ii) Đây là khoản Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty cổ phần thép tâm lá Thống Nhất đối với các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	65.150.945.530	56.777.399.639	-	(25.619.460.550)	96.308.884.619
- Công ty tài chính cổ phần xi măng	-	43.605.319.693	-	(23.619.460.550)	19.985.859.143
- Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP	65.150.945.530	13.172.079.946	-	(2.000.000.000)	76.323.025.476
Vay dài hạn đến hạn trả	52.166.000.000	-	65.312.000.000	(52.166.000.000)	65.312.000.000
Cộng	117.316.945.530	56.777.399.639	65.312.000.000	(77.785.460.550)	161.620.884.619

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	96.051.124.073	83.735.355.268
Các nhà cung cấp nước ngoài	3.010.874.957	2.196.281.495
Cộng	99.061.999.030	85.931.636.763

14. Người mua trả tiền trước

Khoản người mua trả trước về mua hàng hóa, dịch vụ.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	876.383.044	5.336.143.724	(6.212.526.768)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	724.018.063	(724.018.063)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	806.325.173	(806.325.173)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân ^(*)	(30.606.033)	26.319.018	(63.105.274)	(67.392.289)
Các loại thuế khác	-	58.036.032	(58.036.032)	-
Cộng	845.777.011	6.950.842.010	(7.864.011.310)	(67.392.289)

(*) Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 16 tháng 02 năm 2011, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% lợi nhuận trong các năm tiếp theo (nay là 22%); Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20.942.179.125)	7.698.397.431
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(20.942.179.125)	7.698.397.431
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(7.698.397.431)
Thu nhập tính thuế	(20.942.179.125)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	16.339.018.246	11.786.001.385
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	30.848.990.633	32.659.046.177
Chi phí phải trả khác	831.953.020	-
Cộng	48.019.961.899	44.445.047.562

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	17.325.823	78.188.341
Các khoản phải trả, phải nộp khác	202.238.888	370.820.004
Cộng	219.564.711	449.008.345

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận		
Quỹ khen thưởng	-	577.379.807	(140.850.000)	436.529.807
Quỹ phúc lợi	-	577.379.807	(152.000.000)	425.379.807
Cộng	-	1.154.759.614	(292.850.000)	861.909.614

20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay đồng tài trợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB) và Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) bao gồm 2 hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0017/ĐTDA/09CN ngày 23 tháng 9 năm 2009 trong đó quy định:
 - Hạn mức cho vay là 15.000.000.000 USD (trong đó VCB cho vay 5.000.000 USD và CFC cho vay 10.000.000 USD).
 - Mục đích vay là thanh toán chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng và lãi vay trong thời gian xây dựng.
 - Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng + lãi suất biên USD.
 - Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án và được Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP bảo lãnh.
- Hợp đồng tín dụng số 0012/ĐTDA/10CD ngày 12 tháng 4 năm 2010 trong đó quy định:
 - Hạn mức cho vay là 132.650.000.000 VND (trong đó VCB cho vay 47.650.000.000 VND và CFC cho vay 85.000.000.000 VND).
 - Mục đích vay là thanh toán chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng và lãi vay trong thời gian xây dựng.
 - Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng + lãi suất biên VND.
 - Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án và được Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP bảo lãnh.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	65.312.000.000	52.166.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	226.978.102.735	289.349.802.735
Tổng nợ	292.290.102.735	341.515.802.735

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	
			Số đầu năm	Số cuối năm
Vay bằng tiền VND	80.628.102.735	(14.000.000.000)	-	66.628.102.735
Vay bằng tiền USD	208.721.700.000	(51.312.000.000)	2.940.300.000	160.350.000.000
Cộng	289.349.802.735	(65.312.000.000)	2.940.300.000	226.978.102.735



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	-	(219.919.323.585)	(19.919.323.585)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.698.397.431	7.698.397.431
Số dư cuối năm trước	<u>200.000.000.000</u>	-	-	<u>(212.220.926.154)</u>	<u>(12.220.926.154)</u>
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	-	(212.220.926.154)	(12.220.926.154)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(20.942.179.125)	(20.942.179.125)
Trích lập quỹ trong năm	-	384.919.872	384.919.872	(1.924.599.358)	(1.154.759.614)
Số dư cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>384.919.872</u>	<u>384.919.872</u>	<u>(235.087.704.637)</u>	<u>(34.317.864.893)</u>

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	570.604.006.516	146.169.571.327
- Doanh thu bán hàng hóa	28.597.459.664	686.984.550
- Doanh thu bán thành phẩm	442.510.478.776	-
- Doanh thu gia công	92.802.387.157	130.891.229.471
- Doanh thu bán phế liệu	6.693.680.919	14.591.357.306
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(8.373.427.993)	(142.298.012)
- Chiết khấu thương mại	(8.288.222.893)	-
- Hàng bán bị trả lại	(76.805.100)	-
- Giảm giá hàng bán	(8.400.000)	(142.298.012)
Doanh thu thuần	<u>562.230.578.523</u>	<u>146.027.273.315</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	28.597.459.664	686.984.550
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	441.108.600.676	-
- Doanh thu thuần gia công	85.830.837.264	130.748.931.459
- Doanh thu thuần bán phế liệu	6.693.680.919	14.591.357.306

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	28.515.438.131	656.907.737
Giá vốn bán thành phẩm (*)	449.796.176.735	-
Giá vốn gia công	50.226.485.908	65.698.329.744
Giá vốn bán phế liệu	6.678.459.630	14.096.868.935
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	13.345.718	-
Cộng	<u>535.229.906.122</u>	<u>80.452.106.416</u>

(*) Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	423.476.185.655	-
Chi nhân công trực tiếp	1.730.439.981	-
Chi phí sản xuất chung	30.961.987.086	-
Tổng chi phí sản xuất	<u>456.168.612.722</u>	<u>-</u>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	<u>456.168.612.722</u>	<u>-</u>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(521.765.341)	-
Thành phẩm nhập, xuất khác	(5.850.670.646)	-
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	<u>449.796.176.735</u>	<u>-</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	77.975.340	187.911.330
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.354.230	37.090.540
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.513.013.298	-
Cộng	<u>1.611.342.868</u>	<u>225.001.870</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.966.349.915	25.652.548.558
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	12.988.370.159	16.578.085.706
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.955.150.000	3.590.741.088
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.260.808.429	4.569.906.325
Cộng	<u>42.170.678.503</u>	<u>50.391.281.677</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.138.050.796	2.741.029.609
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.845.676	16.725.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	434.785.812	452.989.058
Thuế, phí và lệ phí	20.000.000	20.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.795.871.668	2.316.433.618
Chi phí khác	1.943.736.805	1.845.567.509
Cộng	<u>8.394.290.757</u>	<u>7.392.745.686</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.163.769.064	-
Thu nhập từ bán phế liệu	48.606.542	18.163.635
Thu nhập khác	57.805.056	190.924.466
Cộng	<u>1.270.180.662</u>	<u>209.088.101</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	98.611.200	-
Chi phí bị phạt, truy thu	16.367.697	16.049.337
Chi phí khác	144.426.899	510.782.739
Cộng	<u>259.405.796</u>	<u>526.832.076</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(20.942.179.125)	7.698.397.431
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(20.942.179.125)	7.698.397.431
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(1.047)</u>	<u>385</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	498.300.048.548	25.242.324.928
Chi phí nhân công	10.632.142.517	10.467.891.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.450.058.954	27.844.735.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.233.710.169	19.965.520.511
Chi phí khác	4.854.835.287	5.531.539.388
Cộng	<u>563.470.795.475</u>	<u>89.052.011.731</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã cần trừ một khoản lãi trả chậm với tiền phải thu gia công Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP số tiền là 2.465.035.605 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	867.431.664	708.684.528
Thưởng	129.970.909	91.926.818
Phụ cấp	37.658.865	35.080.000
Cộng	1.035.061.438	835.691.346

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP	Cổ đông sáng lập
Công ty cổ phần kim khí TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông sáng lập
Công ty thép tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP
Công ty TNHH một thành viên cơ khí thép SMC	Công ty con của Công ty cổ phần đầu tư thương mại SMC - Cổ đông sáng lập
Công ty tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty TNHH thép Trung Nguyên	Cổ đông sáng lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP		
Bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ gia công	31.336.403.818	130.579.549.471
Nhận nợ để trả gốc vay	13.172.079.946	35.040.047.552
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	-	938.928.458
Lãi vay	5.349.905.484	6.512.541.860
Công ty cổ phần kim khí TP. Hồ Chí Minh		
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	4.828.212.078	6.064.517.054
Mua vật tư	48.259.230.165	-
Công ty thép tấm lá Phú Mỹ		
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ	32.990.246.621	2.758.047.829
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	2.804.868.761	3.062.098.334
Công ty TNHH một thành viên cơ khí thép SMC		
Mua nguyên vật liệu	1.210.352.880	-
Công ty TNHH thép Trung Nguyên		
Mua nguyên vật liệu	7.516.308.680	-
Bán thành phẩm	8.133.093.168	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP		
Tiền gia công phải thu	-	5.585.582.628
Cộng nợ phải thu	-	5.585.582.628
Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP		
Nhận nợ để trả gốc vay	76.323.025.476	65.150.945.530
Lãi vay phải trả	13.131.348.883	7.781.443.399
Lãi trả chậm phải trả	10.777.915.506	13.242.951.111
Công ty cổ phần kim khí TP. Hồ Chí Minh		
Tiền mua nguyên vật liệu phải trả	56.396.880.620	50.426.880.620
Lãi trả chậm phải trả	10.158.875.813	12.326.518.723
Công ty thép tấm lá Phú Mỹ		
Tiền mua nguyên vật liệu phải trả	28.492.959.043	29.668.883.574
Lãi trả chậm phải trả	9.894.445.104	7.089.576.343
Cộng nợ phải trả	205.175.450.445	185.687.199.300

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Ngoài ra Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP còn bảo lãnh cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB) và Công ty tài chính cổ phần xì măng (CFC) (xem thuyết minh số V.20).

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	180.272.098.912	249.075.952.008	-	429.348.050.920
Phải trả người bán	99.061.999.030	-	-	99.061.999.030
Các khoản phải trả khác	48.222.200.787	-	-	48.222.200.787
Cộng	327.556.298.729	249.075.952.008		576.632.250.737
Số đầu năm				
Vay và nợ	117.316.945.530	289.349.802.735	-	406.666.748.265
Phải trả người bán	85.931.636.763	-	-	85.931.636.763
Các khoản phải trả khác	44.815.867.566	-	-	44.815.867.566
Cộng	248.064.449.859	289.349.802.735		537.414.252.594

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty vay để đầu tư máy móc, thiết bị và nhà xưởng bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản vay, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay giữa ngoại tệ và VND, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	264,94	300,97
Vay và nợ	(9.900.000,00)	(11.900.000,00)
Phải trả người bán	(50.000,00)	(78.400,00)
Các khoản phải trả khác	(98.325,00)	(151.341,67)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(10.048.060,06)	(12.129.440,70)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.296.550.482 VND (năm trước giảm/tăng 5.114.499.966 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Vay và nợ	(176.936.987.354)	(9.900.000,00)	(155.779.048.265)	(11.900.000,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(176.936.987.354)	(9.900.000,00)	(155.779.048.265)	(11.900.000,00)

100
CÔ
CH
1 TO
A
INH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.538.739.747 VND (năm trước giảm/tăng 3.115.580.965 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.116.620.000 VND (năm trước giảm/tăng 2.508.877.000 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không thể chấp tài sản đảm bảo cũng như không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.839.936.184	-	4.346.337.232	-	1.839.936.184	4.346.337.232
Phải thu khách hàng	5.082.738.463	-	5.696.110.628	-	5.082.738.463	5.696.110.628
Các khoản phải thu khác	138.018.702	-	-	-	138.018.702	-
Cộng	7.060.693.349	-	10.042.447.860	-	7.060.693.349	10.042.447.860

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	388.598.987.354	406.666.748.265	388.598.987.354
Phải trả người bán	99.061.999.030	85.931.636.763	99.061.999.030	85.931.636.763
Các khoản phải trả khác	48.222.200.787	44.815.867.566	48.222.200.787	44.815.867.566
Cộng	535.883.187.171	537.414.252.594	535.883.187.171	537.414.252.594

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty bị lỗ 20.942.179.125 VND và số lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 235.087.704.637 VND, vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu 35.087.704.637 VND. Ngoài ra tại thời điểm này, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn một khoản là 254.654.680.786 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, các khoản nợ vay ngân hàng được Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của các Công ty trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả bên ngoài vẫn được thanh toán đúng tiến độ và không có nợ quá hạn. Ngoài ra, Công ty vẫn chưa xác định được thời gian dự kiến sáp nhập vào Tổng Công thép Việt Nam – CTCP. Do vậy Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.


Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 01 năm 2015



Trần Thị Thủy Trang
Người lập biểu



Lê Sơn Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại
Tổng Giám đốc

